TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2018/DS-PT Ngày 10-8-2018 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, buộc di dời tài sản trên đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mông Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, buộc di dời tài sản trên đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ tạm trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Tiến P; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Long H; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Ông Trần Văn T, Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 831a/UQ-UBND ngày 06-8-2018) - có mặt;

- *Người giám định:* Ông Hoàng Văn T, Trưởng phòng Đ, Sở T tỉnh Lạng Sơn - vắng mặt;

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Tiến P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P tranh chấp quyền sử dụng tổng diện tích 17.085,7m^2 đất, trong đó có 17.054m^2 thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích thửa đất số 203 là 44.809m^2, tên địa danh là khu T, thôn B, xã M (viết tắt là thửa đất số 203), và 31,7m^2 là đất đường đi. Ngày 15-6-2011, bà Nông Thị N đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203. Diện tích đất tranh chấp gồm hai phần, phần thứ nhất diện tích 756m^2, trên đất có 30 cây trám do ông Hoàng Tiến P trồng; phần thứ hai diện tích 16.329,7m^2, trong đó 16.298m^2 là rừng tự nhiên, trên đất có cây gỗ tạp và 31,7m^2 là đất đường đi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị N trình bày: Gia đình bà Nông Thị N đã tự quản lý khu đất rừng T từ năm 1992; ngày 10-8-1994, ông Hoàng Tiến L, là chồng bà Nông Thị N được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại lô đất số 4, khoảnh IV, tổng diện tích là 11,35ha theo Quyết định số 68/UB-QĐ của Ủy ban nhân dân huyện L (viết tắt là lô đất số 4). Năm 2001, ông Hoàng Tiến L chết; năm 2005, giữa bà Nông Thị N với ông Dương Dì P, ông Triệu Văn Q xảy ra tranh chấp một phần lô đất số 4. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2008/DS-PT ngày 24-01-2008, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xét xử vụ án, công nhận quyền quản lý, sử dụng lô đất số 4 của bà Nông Thị N. Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, huyện L, đo đạc năm 2009, lô đất số 4 được đo tách thành 03 thửa, trong đó có thửa đất số 203.

Năm 2014, bà Nông Thị N cắt cây, xẻ gỗ làm nhà thì xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Long H và bà Dương Múi D, sự việc đã được Tổ hòa giải thôn B hòa giải, bà Nông Thị N được lấy gỗ về làm nhà. Năm 2016, ông Hoàng Long H và ông Hoàng Tiến P tiếp tục tranh chấp một phần thửa đất số 203 với bà Nông Thị N. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L hòa giải nhưng không thành. Do đó, bà Nông Thị N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng của bà Nông Thị N đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp và buộc ông Hoàng Tiến P di dời cây trám trồng trên phần diện tích 756m^2.

Ông Hoàng Tiến P trình bày: Khu đất rừng T là đất của ông cha của ông để lại. Ngày 10-8-1994, ông Hoàng Long H, là bố của ông Hoàng Tiến P, được

Ủy ban nhân dân huyện L giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 67/UB-QĐ, trong đó có lô đất số 3, khoảnh IV, diện tích 16,25ha (viết tắt là lô đất số 3). Lô đất số 3 của ông Hoàng Long H có ranh giới tiếp giáp lô đất số 4 của gia đình bà Nông Thị N. Khoảng năm 2006, ông Hoàng Tiến P đã trồng 30 cây trám trên đất. Ông Hoàng Tiến P cho rằng toàn bộ diện tích 756m^2 đất ông đã trồng trám và diện tích 16.329,7m^2 tranh chấp với bà Nông Thị N là đất thuộc lô số 3 mà ông Hoàng Long H đã được giao quyền quản lý, sử dụng. Do đó, ông Hoàng Tiến P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị N; đồng thời, ông Hoàng Tiến P yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Nông Thị N đối với diện tích đất tranh chấp.

Ông Hoàng Long H trình bày: Gia đình ông Hoàng Long H đã quản lý khu đất rừng T được bốn đời. Năm 1994, ông Hoàng Long H đã được Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng tại lô đất số 3. Do đó, ông Hoàng Long H nhất trí với ý kiến của ông Hoàng Tiến P, yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp; không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã M, loại đất rừng sản xuất. Ngày 15-6-2011, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CH00113 đối với thửa đất số 203 cho bà Nông Thị N. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện cơ bản đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng theo quy định của Luật Đất đai. Tuy nhiên, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 203 thiếu chữ ký của chủ sử dụng đất liền kề là ông Hoàng Long H.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 12-12-2017, ông Hoàng Văn T, là Người giám định tư pháp theo vụ việc về lĩnh lực đo đạc và bản đồ kết luận: *"Thửa đất số 203, diện tích 44.809m^2 tờ bản đồ địa chính số 04 và lô số 03, khoảng IV theo Quyết định số 67/UB-QĐ ngày 10-8-1994 không trùng nhau"*.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 09-02-2018, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 101, Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị N. Công nhận bà Nông Thị N có quyền sử dụng diện tích đất 16.329,7m^2, là một phần thửa đất số 203 và sở hữu toàn bộ cây trên đất;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị N về việc cho ông Hoàng Tiến P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 756m^2, là một phần thửa đất số 203; ông Hoàng Tiến P có quyền sở hữu 30 cây trám trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Tiến P về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CH00113, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 15-6-2011 cho bà Nông Thị N đối với thửa 203, diện tích 44.809m^2, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, địa chỉ khu rừng T, thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm; quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 12-02-2018, ông Hoàng Tiến P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông Hoàng Tiến P được sử dụng 8.000m^2 đất tại khu T, là một phần trong diện tích 16.329,7m^2 đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Tiến P và bà Nông Thị N thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

Đối với phần đất diện tích 756m^2 và cây trên đất: Bà Nông Thị N tiếp tục sử dụng diện tích 756m^2 đất, thuộc thửa đất số 203 và sở hữu 30 cây trám có trên diện tích đất nói trên; bà Nông Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Tiến P giá trị 30 cây trám với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Đối với phần đất diện tích 16.329,7m^2 và cây trên đất: Trừ phần đất đường đi diện tích 31,7m^2, xác định bằng các điểm C1-D-D1-D2-C trên Mảnh trích đo địa chính kèm theo Bản án, phần còn lại là 16.298m^2, trong đó, ông Hoàng Tiến P được quyền sử dụng 6.653,3m^2 đất và sở hữu cây trên đất; bà Nông Thị N được quyền sử dụng 9.644,7m^2 đất và sở hữu cây trên đất; ranh giới giữa hai phần đất nói trên được xác định bằng đường thẳng nối điểm D-H trên Mảnh trích đo địa chính kèm theo Bản án sơ thẩm.

Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định thực hiện theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Ông Hoàng Long H nhất trí với nội dung thỏa thuận giữa ông Hoàng Tiến P và bà Nông Thị N.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Hoàng Tiến P và bà Nông Thị N đã thỏa thuận được với nhau để giải quyết các vấn đề có tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của người kháng cáo: Ông Hoàng Tiến P kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Quan điểm giải quyết đối với Bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Các đương sự đều là người dân tốc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền sử dụng đất: Ngày 15-6-2011, bà Nông Thị N được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích thửa đất là 44.809m^2. Tổng diện tích đất tranh chấp giữa bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P là 17.085,7m^2, trong đó có 31,7m^2 là đất đường đi và 17.054m^2 thuộc thửa đất số 203. Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 203 gồm hai phần, phần thứ nhất diện tích 756m^2, trên đất có 30 cây trám do ông Hoàng Tiến P trồng; phần thứ hai diện tích 16.298m^2, là rừng tự nhiên, trên đất có cây gỗ tạp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp, cụ thể:

[3] Đối với phần đất diệnt tích 756m^2 và cây trên đất: Bà Nông Thị N có quyền sử dụng diện tích 756m^2 đất và sở hữu 30 cây trám có trên đất; bà Nông Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Tiến P giá trị 30 cây trám với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

[4] Đối với phần đất diện tích 16.298m^2 và cây trên đất: Ông Hoàng Tiến P được quyền sử dụng 6.653,3m^2 đất và sở hữu cây trên đất, trên Mảnh trích đo địa chính kèm theo Bản án thể hiện là phần đất được xác định bởi các điểm A-B-C-C1-D2-H-A. Bà Nông Thị N được quyền sử dụng 9.644,7m^2 đất và sở hữu cây trên đất, trên Mảnh trích đo địa chính kèm theo Bản án thể hiện là phần đất được xác định bởi các điểm H-D2-D1-E-F-G-H.

[5] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P có trách nhiệm đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013 đối với diện tích đất mỗi người được quyền sử dụng.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định do ông Hoàng Tiến P chịu theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28-4-2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020; quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí dân sự. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DT-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, công nhận sự thỏa thuận của bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 164, 185, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm k khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 100, khoản 1 và khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu cây trên đất và nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng trên đất:

1.1. Đối với phần đất diện tích 756m^2 và cây trên đất: Bà Nông Thị N có quyền sử dụng diện tích 756m^2 đất, là một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có ranh giới tứ cận tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203, kích thước cạnh như sau:

- Phía Bắc, chiều dài cạnh là 50,72m;

- Phía Đông, chiều dài cạnh là 24,59m;

- Phía Nam, tổng chiều dài cạnh là 29,39m (21,93m + 7,46m);

- Phía Tây - Nam, chiều dài cạnh là 18,38m.

(Có sơ họa diện tích đất, ký hiệu là S2, tại bút lục số 86 kèm theo).

Bà Nông Thị N có quyền sở hữu 30 cây trám có trên diện tích đất 756m^2 nói trên và có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Tiến P giá trị 30 cây trám với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

1.2. Đối với phần đất diện tích 16.298m^2 và cây trên đất:

Ông Hoàng Tiến P được quyền sử dụng 6.653,3m^2 đất, là một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu cây trên đất. Diện tích đất được xác định bởi các điểm A-B-C-C1-D2-H-A tại Mảnh trích đo địa chính, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

- Phía Đông - Bắc (A-B) tiếp giáp đất của ông Dương Trùng P, tổng chiều dài cạnh là 110,37m (59,83m + 20,01m + 30,53m);

- Phía Đông - Nam (B-C-C1-D2) tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203 và đường đất, tổng chiều dài cạnh là 37,35m (19,74m + 2,81m + 3,37m + 0,35m + 11,08m);

- Phía Tây - Nam (D2-H) tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203, chiều dài cạnh là 148,12m;

- Phía Tây - Bắc (A-H) tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203, tổng chiều dài cạnh là 79,87m (45,74m + 34,13m).

Bà Nông Thị N được quyền sử dụng 9.644,7m^2 đất, là một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu cây trên đất. Diện tích đất được xác định bởi các điểm H-D2-D1-E-F-G-H tại Mảnh trích đo địa chính, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

- Phía Đông - Bắc (D2-H) tiếp giáp phần đất ông Hoàng Tiến P được quyền sử dụng, chiều dài cạnh là 148,12m;

- Phía Nam (D2-D1-E) tiếp giáp đường đất và phần còn lại của thửa đất số 203, tổng chiều dài cạnh là 136,97m (8,61m + 128,36m);

- Phía Tây - Nam (E-F) tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203, chiều dài cạnh là 46,68m;

- Phía Tây - Bắc (F-G-H) tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 203 và thửa đất số 96, tổng chiều dài cạnh là 103,83m (1,62m + 4,7m + 4,8m +8,73m + 5,57m + 2,43m + 2,41m + 11,09m + 6,24m + 4,3m + 10,12m + 10,53m + 5,06m + 5,74m + 3,46m + 4,44m + 2,56m + 3,41m + 1,58m + 2,19m + 2,85m).

(Có Mảnh trích đo địa chính kèm theo).

1.3. Về đăng ký biến động và đăng ký quyền sử dụng đất: Bà Nông Thị N có nghĩa vụ thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 xã M, đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15-6-

2011, số vào sổ CH00113; ông Hoàng Tiến P có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Hoàng Tiến P phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông Hoàng Tiến P đã nộp 2.000.000 đồng; bà Nông Thị N nộp tạm ứng 4.000.000 đồng. Buộc ông Hoàng Tiến P trả lại cho bà Nông Thị N số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

2.2. Chi phí giám định: Ông Hoàng Tiến P phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) chi phí giám định. Xác nhận ông Hoàng Tiến P đã nộp đủ số tiền chi phí giám định.

3. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nông Thị N và ông Hoàng Tiến P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nông Thị N 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 01076 ngày 07-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Lệ Hường